

Bản án số: 91/2019/DS-ST

Ngày: 07/8/2019

“V/v tranh chấp hội”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thế Trang Đền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Thu Trang  
2. Bà Phạm Ngọc Diệu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm: 1978; Địa chỉ: ấp Linh Phụng, xã Long Mỹ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Tổ 2, ấp Mỹ Thạnh, xã Long Mỹ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 29/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày:*

Do quan hệ quen biết với nhau nên bà có tham gia chơi hội do bà T làm chủ hội, bà tham gia chơi hội với bà T từ năm 2015, bà tham gia chơi 06 dãy hội, các dãy hội mà bà tham gia bà đều đóng đủ nhưng chưa kết thúc các dãy hội theo hợp đồng thì bà T tuyên bố vỡ hội và trả lại vốn đã đóng cho những người tham gia chơi hội. Ngày 11/6/2017 ã, bà T tự chốt lại tiền thiếu các dãy hội mà bà T còn thiếu của bà số tiền là 144.000.000 đồng. Bà T tự viết giấy chốt nợ còn thiếu bà số tiền là 144.000.000 đồng, bà T cam kết trong giấy nợ là vào tháng 2/2018 sẽ trả cho bà số tiền là 36.000.000 đồng; tới tháng 5 trả 36.000.000 đồng nữa và bà T ký tên, ghi họ tên bà T. Sau khi bà T viết giấy nợ khoảng 2 tháng, bà T có trả cho bà 2 lần: lần 1: 10.000.000 đồng (Mười triệu) và lần 2 là 11.000.000 đồng (Mười một triệu). Tổng cộng hai lần bà nhận là 21.000.000 đồng. Còn lại số tiền là 123.000.000 đồng. Khi đến hẹn, nhiều lần bà yêu cầu bà T trả số tiền cho bà như bà T đã hứa và cam kết như trong giấy nợ nhưng đến

nay bà T vẫn không thực hiện. Số tiền bà T thừa nhận đây là số tiền gốc mà bà đã đóng chứ không có lãi.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hui theo hai bên đã thỏa thuận là 123.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc, bà có yêu cầu bà T có trách nhiệm cho bà số tiền nợ hui theo hai bên đã thỏa thuận là 123.000.000 đồng, bà không có yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng bà T vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 19 tháng 7 năm 2019, bà T vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay và đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Hồng T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- *Nội dung vụ án:* Do có quen biết với nhau nên giữa bà Nguyễn Thị Hồng G và bà Nguyễn Thị Hồng T có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc cùng tham gia chơi hui do bà T làm chủ hui từ năm 2015. Bà G tham gia chơi hui với bà T gồm 06 dãy hui, theo bà G thì cả 06 dãy hui này đều đã thực hiện xong. Đến ngày 11/5/2017 đã, giữa bà G và bà T cùng ngồi lại và tính toán số tiền nợ mà bà T còn nợ của bà G, bà T tính và chốt lại số tiền còn thiếu của bà G là 144.000.000 đồng. Bà T ghi giấy với nội dung: “ngày 11/6. chị Thúy có thiếu số tiền 144.000.000 đồng tới tháng 9 trả 72 triệu. Tháng 2/2018 trả 36 triệu. Tháng 5 trả 36 triệu, tiền hui của gấm...” và bà T ký tên và ghi Nguyễn Thị Hồng T, bà T hứa trả dần nhưng đến thời gian bà T cam kết trả, bà G đòi nhiều lần đến nay bà T vẫn chưa thực hiện việc trả nợ cho bà G.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà G và bà T cùng thực hiện việc giao kết chơi hui với nhau, mặc dù không có giấy tờ hợp đồng cụ thể nhưng hai bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết và thực hiện một thời gian dài. Sau khi kết thúc hợp đồng, bà T thừa nhận còn thiếu số tiền nợ hui của bà G là 144.000.000 đồng và ghi giấy tính kết thúc nợ với bà G. Sau đó, bà T có trả cho bà G số tiền là 21.000.000 đồng, còn lại là 123.000.000 đồng. Như vậy, căn cứ vào giấy tay mà do bà G cung cấp và bà G cho rằng do bà T tự viết là bà T thừa nhận nợ thì hiện tại bà T còn thiếu bà G số tiền nợ hui là 144.000.000 đồng, bà G thừa nhận bà T có trả cho bà G số tiền 21.000.000 đồng nên số tiền bà T còn thiếu lại bà G là 123.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền nợ hui của bà G yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả lại số tiền nợ hui là 123.000.000 đồng là có căn cứ, bà G nhiều lần đòi nợ bà T nhưng bà T không thực hiện việc trả nợ cho bà G. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà G theo hợp đồng đã thỏa thuận, xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà G nên việc bà G khởi kiện yêu cầu bà T phải trả lại số tiền nợ hui là 123.000.000 đồng là có cơ sở, xét yêu cầu của bà G là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với bà T Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, bà T đương nhiên từ bỏ quyền lợi trình bày của mình tại tòa và bà T đã tự bỏ quyền cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Hội đồng xét xử không thể xem xét yêu cầu của bà T được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Về lãi suất: Bà G không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà G không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất.

Từ những phân tích trên, buộc bà Nguyễn Thị Hồng T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng G số tiền nợ hui là 123.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi ba triệu đồng*).

Về án phí Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 6.150.000 đồng (*Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng G được chấp nhận nên bà G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà G số tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp là 3.600.000 đồng theo biên lai thu số 0002157 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng G về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng G số tiền nợ hui là 123.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi ba triệu đồng*).

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng G số tiền là nợ hui là 123.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hồng G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Hồng T chưa thực hiện nghĩa

vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Hồng T còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng G số tiền lãi số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 6.150.000 đồng (*Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hoàn lại cho bà G số tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp là 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002157 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thế Trang Đền**